



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước
trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục
vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026”**

**BẢN TIN TUẦN 1 THÁNG 3
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 1/3 - 7/3/2026**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

Đơn vị thực hiện: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội – 28/2/2026



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026”

**BẢN TIN TUẦN 1 THÁNG 3
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 01/03 - 07/03/2026**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ **CƠ QUAN THỰC HIỆN**
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Th.S Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2025” do Cục Quản lý và Xây dựng CTTL. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2026, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 6 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 1, 2, 3, 4, 7 và 8 (1 đợt/ tháng); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/tháng tại các vị trí lấy mẫu trong tháng quan trắc (các tháng 2, 3, 4 và 3 tuần đầu tháng 7). Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Báo tin tuần 1 tháng 3 là kết quả dự báo các thông số DO, BOD₅ và NH₄⁺ từ ngày 01/03 - 07/03/2026.

Hà Nội – 28/2/2026

BẢN TIN TUẦN 1 THÁNG 3
DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 01/03 - 07/03/2026

1. Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026”.
2. Ngày dự báo: 28/2/2026
3. Ngày cung cấp thông tin: 28/2/2026
4. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
5. Người cung cấp thông tin: **Th.S Vũ Quốc Chính**
6. Đơn vị nhận thông tin: Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống Bắc Hưng Hải
7. Vị trí dự báo và lấy mẫu quan trắc: 15 vị trí (**bảng 1**)

Bảng 1. Vị trí dự chất lượng nước hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải năm 2026

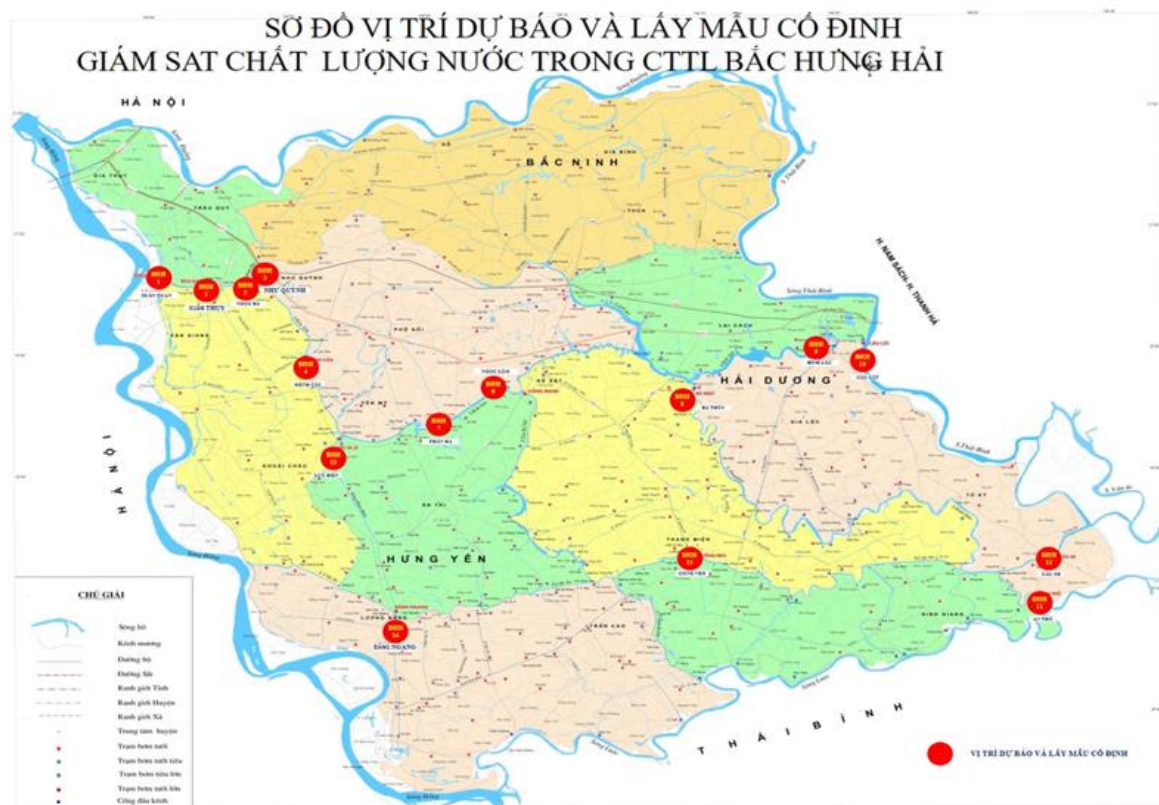
<i>TT</i>	<i>KH mẫu</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Tọa độ</i>	<i>Mục đích</i>
1	BHH 1	Cổng Xuân Quan	Xã Phụng Công, Tỉnh Hưng Yên	N20°58'19.3" E105°55'10.7"	Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	Xã Gia Lâm, TP Hà Nội	N20°58'13.7" E105°56'58.1"	Kiểm tra nước kênh Cầu Bậy trước khi chảy ra kênh Kim Sơn. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp trên địa bàn các Phường Long Biên, Bồ Đề, Việt Hưng, Phúc Lợi, xã Gia Lâm và Bát Tràng thuộc TP Hà Nội.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	N20°59'05.5" E105°58'48.2"	Kiểm tra nước kênh Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh lấy nước qua TB Như Quỳnh bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực xã Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang.
4	BHH4	Cổng Kênh Cầu	Xã Hoàn Long, Tỉnh Hưng Yên	N20°55'40.7" E106°00'29.0"	Kiểm tra nước kênh Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực các xã Nghĩa Trụ, Phụng Công, Văn Giang, Mỹ Sở và hạ lưu phía Bắc hệ thống. Bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Thành phố Hà Nội xả qua cổng Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ kênh Đình Dù

<i>TT</i>	<i>KH mẫu</i>	<i>Vị trí lấy mẫu</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Tọa độ</i>	<i>Mục đích</i>
					ra kênh Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 58'58.2" E105 ⁰ 58'38.7"	Kiểm tra nước kênh Kiền Thành tiêu ra kênh Đình Dù. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 55'44.1" E106 ⁰ 19'20.7"	Kiểm tra nước kênh Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường thuộc phường Đường Hào, Thượng Hồng (Hưng Yên).
7	BHH7	Cổng Phần Hà	Xã Phạm Ngũ Lão, Tỉnh Hưng Yên	N20 ⁰ 52'25.1" E106 ⁰ 05'21.3"	Kiểm tra nước kênh Hồ Chí Minh trước khi chảy ra kênh Kim Sơn. Bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi - phường Đường Hào (Hưng Yên).
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	Xã Gia lộc, TP Hải Phòng	N20 ⁰ 58'27.8" E106 ⁰ 14'36.1"	Nước kênh Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho các xã Kê Sặt, Bình Giang, Đường An, Thượng Hồng, Thanh Miện, Bắc Thanh Miện, Hải Hưng, Nguyễn Lương Bằng và Nam Thanh Miện, Gia Lộc, Yết Kiêu, Gia Phúc, Trường Tân (TP Hải Phòng)
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	N20 ⁰ 55'44.1" E106 ⁰ 19'20.7"	Nước thải khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh Hải Dương, nước thải sinh hoạt các phường Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Việt Hòa, Thành Đông, Tân Hưng, Thạch Khôi, Tứ Minh, Ái Quốc chảy vào kênh Kim Sơn.
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	P. Hải Dương, TP. Hải Phòng	N20 ⁰ 53'35.12" E106 ⁰ 08'2.36"	Kiểm tra nước tiêu của hệ thống ra sông Thái Bình
11	BHH11	Cổng An Thổ	Xã Nguyên Giáp, Hải Phòng	N20 ⁰ 44'58.0" E106 ⁰ 28'18.5"	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS các xã Chí Minh, Lạc Phượng, Nguyên Giáp và nước tiêu toàn bộ hệ thống ra sông Luộc.

Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Xã Lạc Phượng, TP Hải Phòng	N20°46'39.1" E106°27'46.6"	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS các xã Ninh Giang, Vĩnh Lại, Khúc Thừa Dụ, Tân An, Hồng Châu và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên	N20°54'57.3" E106°01'40.0"	Nước kênh Kim Sơn chảy vào kênh Điện Biên
14	BHH14	Cổng Bằng Ngang	Xã Lương Bằng, Tỉnh Hưng Yên	N20°44'43.6" E106°03'45.3"	Kiểm tra nước kênh Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã Lương Bằng, Nghĩa Dân, Hợp Cường, Đức Hợp, Việt Tiến, Chí Minh, Châu Ninh. Bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN
15	BHH15	Cổng Neo	Xã Thanh Miện, TP Hải Phòng	N20°46'54.9" E106°14'39.7"	Kiểm tra nước kênh Cừ An trước khi vào địa giới TP Hải Phòng. Bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.

8. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo trong hệ thống BHH năm 2026

1 KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 01/03 - 07/03/2026

1.1 Thông tin chung

a) Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước

Theo bản tin dự báo nguồn nước, dự báo tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trong kỳ dự báo như sau:

- Chế độ mưa: theo Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia, trong đợt dự báo, thời kỳ từ đêm 02-06/3 khả năng có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông.

- Cũng theo Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia, mực nước ở trạm Hà Nội dao động, chịu ảnh hưởng của thủy triều và điều tiết từ các thủy điện tuyến trên.

b) Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

Các địa phương trong vùng dự án đang trong giai đoạn đồ ải gieo cấy vụ Đông Xuân 2026.

c) Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Thời kỳ dự báo nằm trong giai đoạn tích trữ nước vào hệ thống trước khi đồ ải. Vận hành các công trình như sau:

- + Xuân Quan, Báo Đáp: trữ nước hạ lưu;
- + TB Xuân Quan: vận hành linh hoạt;
- + Kênh Cầu: mở thông;
- + Bá Thủy: trữ nước thượng lưu;
- + Neo: trữ nước thượng lưu;
- + Cầu Xe, An Thổ: lấy nước ngược;
- + Âu thuyền Cầu Cát: lấy nước ngược.

1.2 Kết quả dự báo chất lượng nước từ ngày 01/03 - 07/03/2026

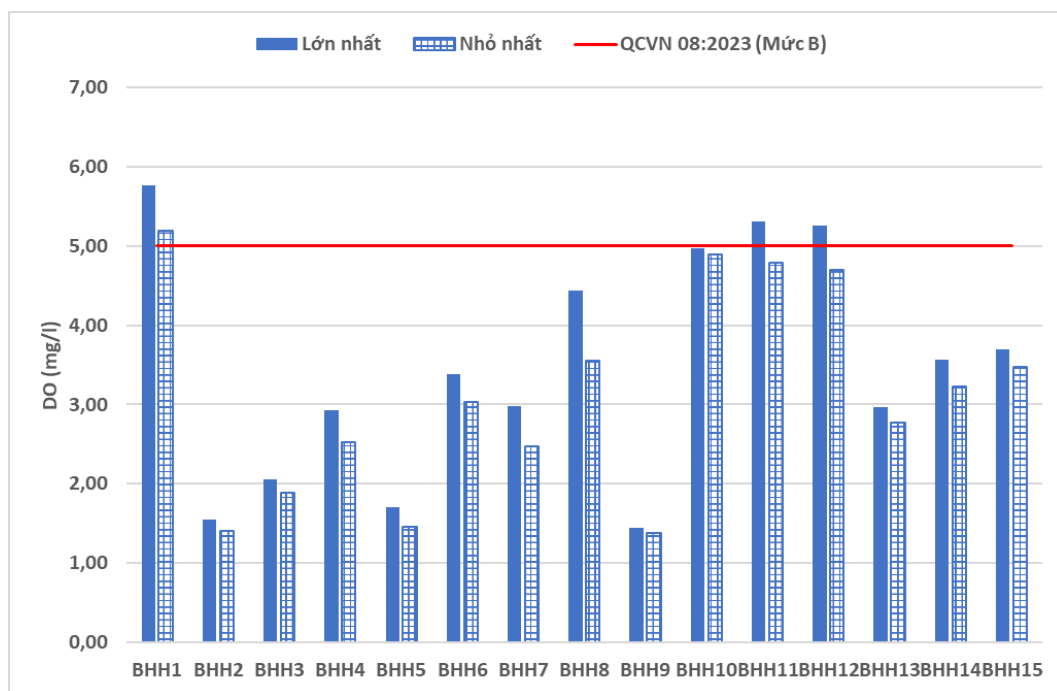
a) Dự báo thông số DO

Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc từ 01/03 - 07/03/2026 được tổng hợp trong Bảng 2 và Hình 2 và 3.

Bảng 2: Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
1	BHH1	Xuân Quan	5,49	5,76	5,45	5,19	5,36	5,25	5,20	5,39
2	BHH2	Xuân Thụy	1,48	1,42	1,55	1,49	1,41	1,49	1,41	1,46
3	BHH3	Như Quỳnh	1,91	1,90	1,89	2,01	1,93	2,05	1,99	1,95
4	BHH4	Kênh Cầu	2,60	2,70	2,93	2,53	2,75	2,67	2,75	2,70
5	BHH5	Ngọc Đà	1,57	1,64	1,61	1,62	1,71	1,46	1,58	1,60
6	BHH6	Ngọc Lâm	3,27	3,34	3,24	3,37	3,39	3,03	3,19	3,26
7	BHH7	Phản Hà	2,77	2,47	2,87	2,77	2,89	2,98	2,92	2,81
8	BHH8	Bá Thủy	3,55	4,02	3,60	3,85	4,14	4,44	3,92	3,93

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
9	BHH9	Bình Lâu	1,42	1,40	1,41	1,41	1,38	1,39	1,44	1,41
10	BHH10	Cầu Cát	3,73	3,99	3,90	4,03	4,06	3,63	3,71	4,93
11	BHH11	An Thổ	4,86	4,79	4,94	5,31	5,30	4,79	5,19	5,03
12	BHH12	Cầu Xe	4,99	5,07	4,80	5,26	4,70	5,05	5,00	4,98
13	BHH13	Lực Điền	2,97	2,91	2,77	2,77	2,88	2,79	2,81	2,84
14	BHH14	Bằng Ngang	3,42	3,50	3,53	3,56	3,23	3,34	3,29	3,41
15	BHH15	Cống Neo	3,53	3,48	3,52	3,70	3,47	3,50	3,51	3,53
QCVN 08:2023 (Mức B)			≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5	≥ 5



Hình 2: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo DO

Sau đây là một số nhận xét về kết quả dự báo DO trong đợt dự báo như sau:

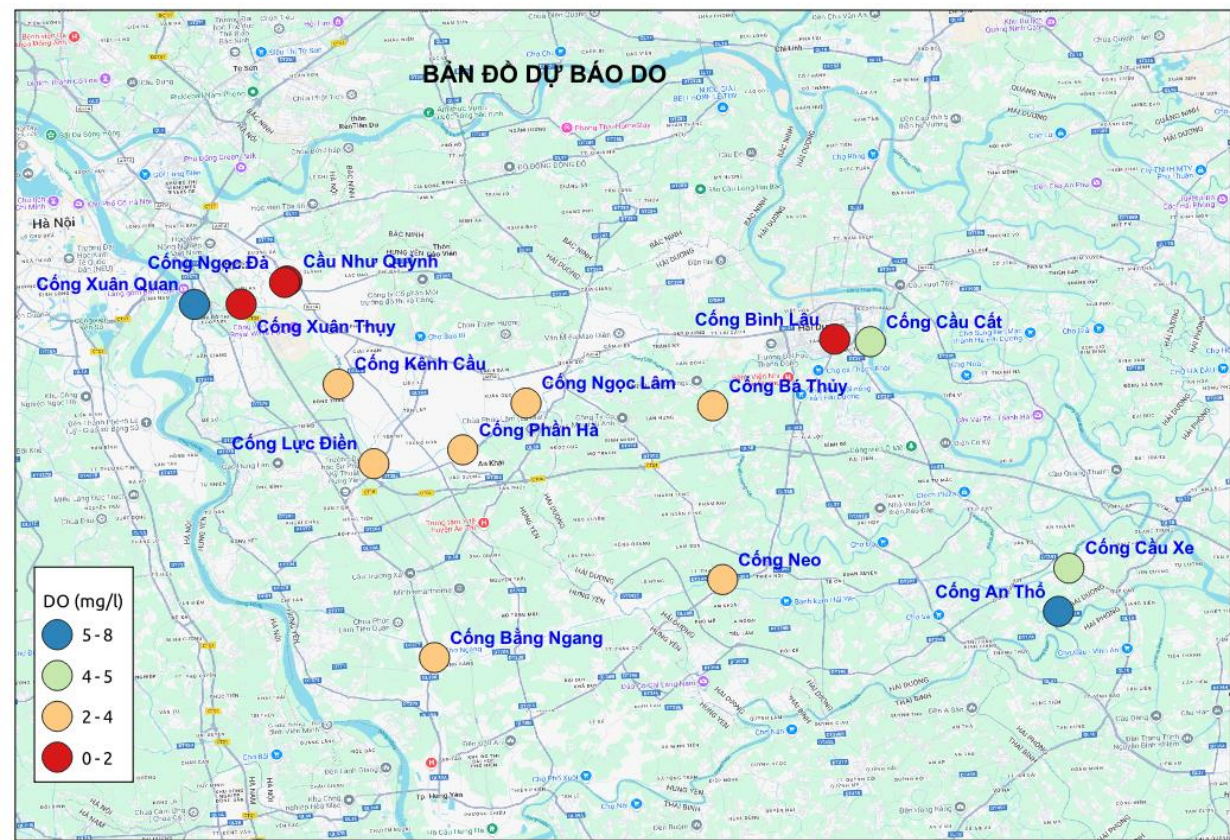
- Có 2/15 vị trí có hàm lượng DO trung bình đạt Mức B ($DO \geq 5$ mg/L), đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo QCVN 08:2023/BTNMT, gồm: Xuân Quan (5,39 mg/L) và An Thổ (5,03 mg/L).

- 01/15 vị trí ở mức cận B ($4 \leq DO < 5$ mg/L) là Cầu Xe (4,98 mg/L), dao động quanh ngưỡng quy chuẩn.

- 12/15 vị trí còn lại có DO trung bình < 4 mg/L, nước có chất lượng xấu đến rất xấu, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bá Thủy, Bình Lâu, Cầu Cát, Lực Điền, Bằng Ngang, Cổng Neo.

So với tuần 4 tháng 2/2026, chất lượng DO đầu tháng 3 có dấu hiệu cải thiện nhẹ tại một số điểm trung lưu (An Thổ, Cầu Xe), tuy nhiên phần lớn hệ thống vẫn duy trì $DO < 4$ mg/L. Các điểm ô nhiễm nặng như Ngọc Đà, Bình Lâu, Xuân Thụy chưa có dấu hiệu cải thiện. Tình trạng thiếu oxy vẫn mang tính không gian ổn định theo cụm ô nhiễm. Như

vậy, hệ thống Bắc Hưng Hải đầu tháng 3/2026 vẫn trong tình trạng áp lực ô nhiễm cao và kéo dài, mặc dù có cải thiện cục bộ tại một vài vị trí.



Hình 3: Bản đồ dự báo DO

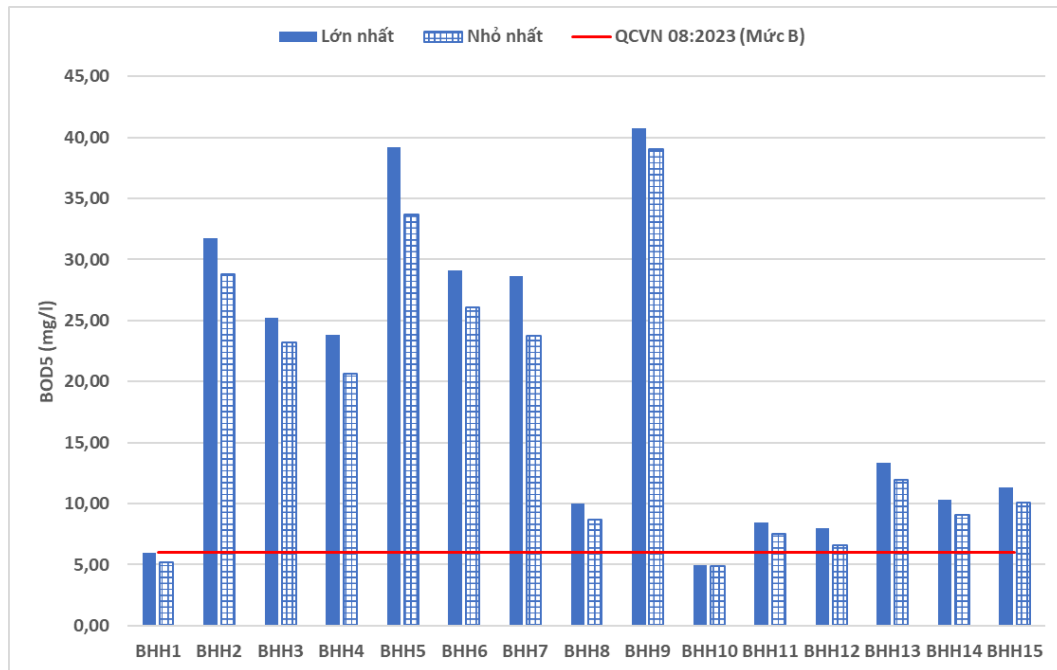
b) Dự báo thông số BOD₅

Kết quả dự báo thông số BOD₅ tại các vị trí quan trắc từ 01/03 - 07/03/2026 được tổng hợp trong Bảng 3 và Hình 4 và 5.

Bảng 3: Kết quả dự báo thông số BOD₅ tại các vị trí quan trắc

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
1	BHH1	Xuân Quan	5,53	5,72	5,29	5,60	5,17	5,30	5,97	5,51
2	BHH2	Xuân Thụy	30,37	29,16	31,71	30,55	28,81	30,54	28,87	30,00
3	BHH3	Như Quỳnh	23,47	23,32	23,24	24,66	23,66	25,19	24,40	23,99
4	BHH4	Kênh Cầu	21,18	21,98	23,85	20,65	22,42	21,75	22,41	22,03
5	BHH5	Ngọc Đà	36,19	37,70	36,97	37,18	39,22	33,68	36,40	36,76
6	BHH6	Ngọc Lâm	28,04	28,70	27,78	28,94	29,07	26,04	27,42	28,00
7	BHH7	Phần Hà	26,65	23,71	27,56	26,66	27,81	28,62	28,11	27,02
8	BHH8	Bá Thủy	8,86	8,95	9,55	10,02	8,70	9,37	9,42	9,27
9	BHH9	Bình Lâu	40,05	39,56	39,79	39,96	39,08	39,20	40,73	39,77
10	BHH10	Cầu Cát	7,22	7,35	7,70	6,88	7,34	7,29	7,20	7,28
11	BHH11	An Thổ	8,16	7,54	8,06	7,70	7,99	8,12	8,43	8,00
12	BHH12	Cầu Xe	7,31	7,61	6,60	7,05	7,56	8,00	7,08	7,32

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
13	BHH13	Lực Điền	11,92	12,34	12,97	12,19	13,27	13,33	12,13	12,59
14	BHH14	Bằng Ngang	9,22	10,09	9,11	10,30	10,30	9,93	10,15	9,87
15	BHH15	Cổng Neo	10,34	11,06	11,29	10,57	10,68	10,09	10,68	10,67
QCVN 08:2023 (Mức B)			≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6	≤ 6



Hình 4: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo BOD₅

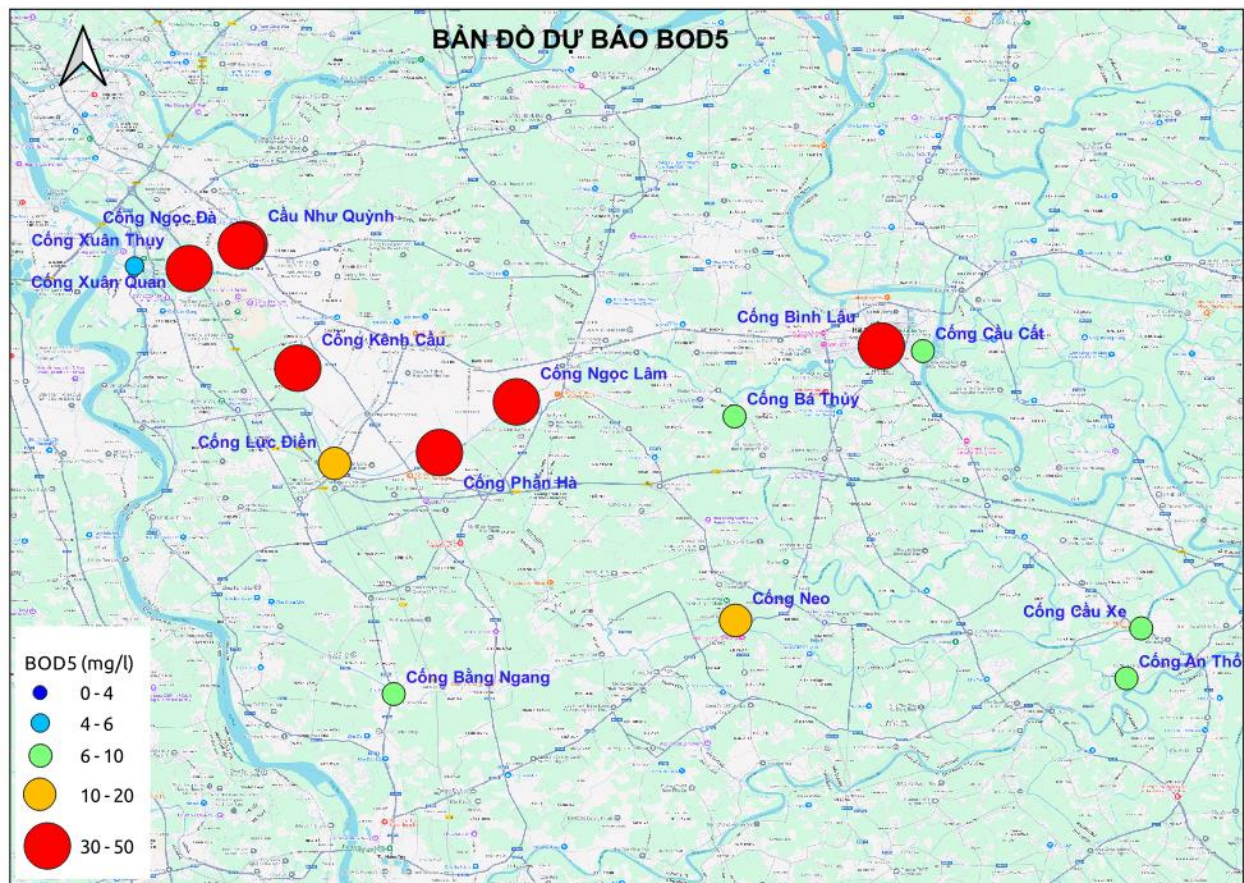
Sau đây là một số nhận xét về kết quả dự báo BOD₅ trong đợt dự báo như sau:

- Có 1/15 vị trí có hàm lượng BOD₅ trung bình đạt Mức B (≤ 6 mg/L), đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo QCVN 08:2023/BTNMT, là Xuân Quan (5,51 mg/L).

- 5/15 vị trí có hàm lượng BOD₅ trung bình ở mức C ($6 < BOD_5 \leq 10$ mg/L), chất lượng nước xấu, gồm: Bá Thủy (9,27), Cầu Cát (7,28), An Thổ (8,00), Cầu Xe (7,32) và Bằng Ngang (9,87 mg/L).

- 9/15 vị trí còn lại có hàm lượng BOD₅ trung bình > 10 mg/L (Mức D), nước có chất lượng rất xấu, ô nhiễm hữu cơ nặng, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bình Lâu, Lực Điền và Cổng Neo.

Đầu tháng 3/2026, cấu trúc ô nhiễm BOD₅ hầu như không thay đổi so với cuối tháng 2: Chỉ duy nhất Xuân Quan đạt quy chuẩn; Phần lớn các điểm vẫn duy trì mức D; Các điểm ô nhiễm trọng điểm (Bình Lâu, Ngọc Đà, Xuân Thụy) tiếp tục có BOD₅ rất cao. Mặc dù một số vị trí trung lưu như Bá Thủy, Cầu Cát, An Thổ và Cầu Xe duy trì quanh 7–9 mg/L (Mức C), song vẫn không đáp ứng yêu cầu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy chuẩn. Điều này cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ trong hệ thống Bắc Hưng Hải vẫn mang tính ổn định và kéo dài, chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt trong tuần đầu tháng 3/2026.



Hình 5: Bản đồ dự báo BOD₅

c) Dự báo thông số NH₄⁺

Kết quả dự báo thông số NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 01/03 - 07/03/2026 được tổng hợp trong Bảng 4 và Hình 6 và 7.

Bảng 4: Kết quả dự báo thông số NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 01/03 - 07/03/2026

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
1	BHH1	Xuân Quan	0,55	0,83	0,73	0,65	0,70	0,67	0,66	0,68
2	BHH2	Xuân Thụy	22,37	21,48	23,36	22,50	21,22	22,50	21,27	22,10
3	BHH3	Như Quỳnh	7,25	7,21	7,18	7,62	7,31	7,79	7,54	7,41
4	BHH4	Kênh Cầu	9,61	9,97	10,82	9,37	10,17	9,87	10,17	10,00
5	BHH5	Ngọc Đà	14,99	15,62	15,32	15,40	16,25	13,95	15,08	15,23
6	BHH6	Ngọc Lâm	5,21	5,33	5,16	5,38	5,40	4,84	5,10	5,20
7	BHH7	Phân Hà	4,43	3,94	4,58	4,43	4,63	4,76	4,68	4,49
8	BHH8	Bá Thủy	3,09	3,50	3,13	3,35	3,60	3,87	3,41	3,42
9	BHH9	Bình Lâu	22,34	22,07	22,20	22,30	21,81	21,87	22,72	22,19
10	BHH10	Cầu Cát	0,62	0,88	0,78	0,91	0,94	0,52	0,60	0,75
11	BHH11	An Thổ	0,38	0,36	0,40	0,50	0,50	0,36	0,47	0,42
12	BHH12	Cầu Xe	0,54	0,57	0,48	0,63	0,45	0,56	0,55	0,54
13	BHH13	Lục Diên	2,53	2,48	2,36	2,36	2,45	2,38	2,39	2,42

TT	KH	Vị trí	Ngày dự báo							Trung bình
			1/3	2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	
14	BHH14	Bằng Ngang	2,43	2,48	2,51	2,52	2,29	2,37	2,34	2,42
15	BHH15	Cổng Neo	2,44	2,39	2,44	2,61	2,39	2,42	2,42	2,44
QCVN 08:2023			0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3	0,3

Sau đây là một số nhận xét về kết quả dự báo NH_4^+ trong đợt như sau:

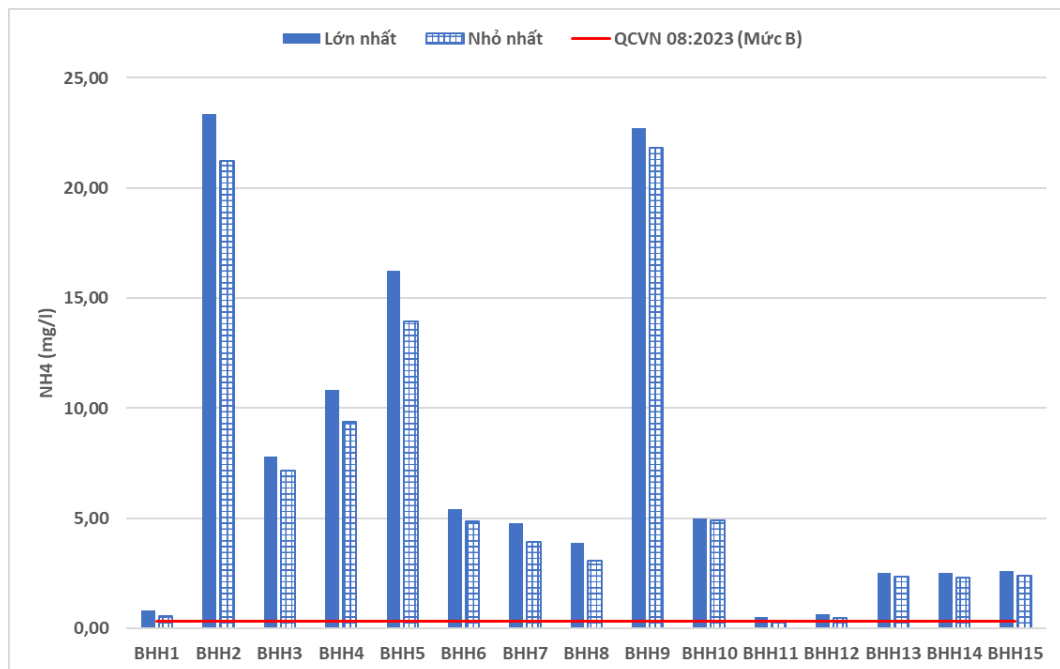
- Không có vị trí nào (0/15) có hàm lượng NH_4^+ trung bình đạt quy chuẩn ($\leq 0,3$ mg/L) theo QCVN 08:2023/BTNMT.

- 4/15 vị trí có hàm lượng NH_4^+ trung bình ở mức vượt nhẹ ($0,3 < NH_4^+ \leq 1,0$ mg/L), gồm: Xuân Quan (0,68), Cầu Cát (0,75), An Thổ (0,42) và Cầu Xe (0,54 mg/L).

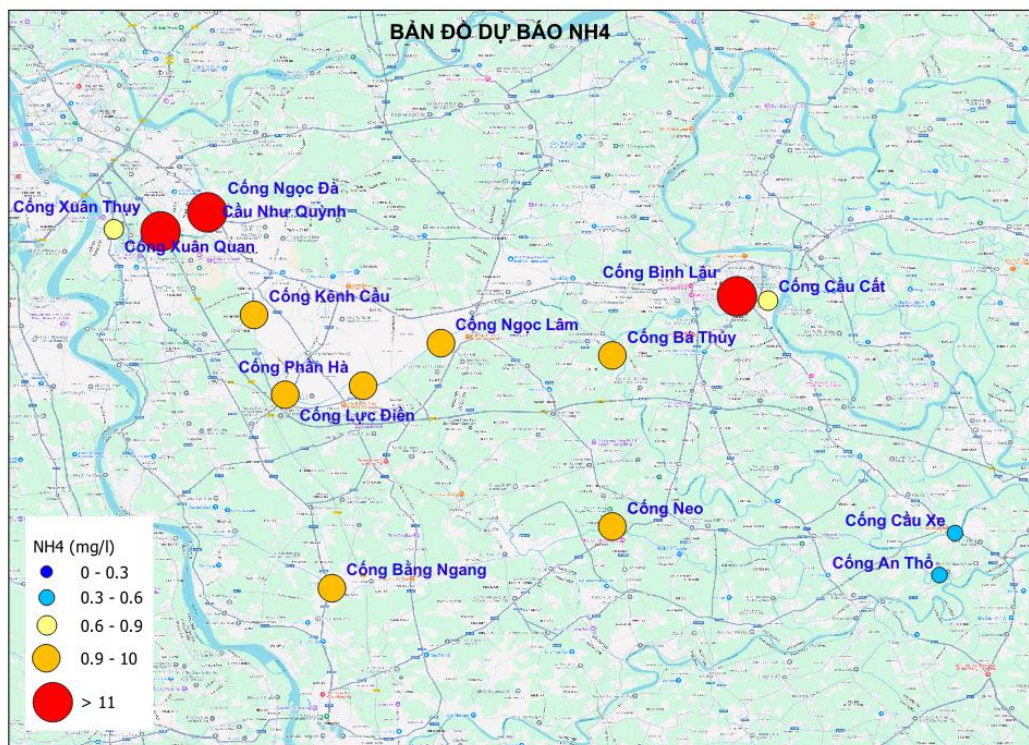
- 5/15 vị trí có hàm lượng NH_4^+ trung bình trong khoảng $1,0 < NH_4^+ \leq 5,0$ mg/L, phản ánh ô nhiễm nitơ ở mức trung bình–cao, gồm: Phần Hà (4,49), Bá Thủy (3,42), Lục Điền (2,42), Bằng Ngang (2,42) và Cổng Neo (2,44 mg/L).

- 6/15 vị trí còn lại có hàm lượng NH_4^+ trung bình $> 5,0$ mg/L, nước có chất lượng rất xấu, vượt quy chuẩn nhiều lần, gồm: Xuân Thụy (22,10), Như Quỳnh (7,41), Kênh Cầu (10,00), Ngọc Đà (15,23), Ngọc Lâm (5,20) và Bình Lâu (22,19 mg/L).

Đầu tháng 3/2026, hàm lượng NH_4^+ tại hệ thống Bắc Hưng Hải vẫn duy trì ở mức cao và phân bố ổn định theo không gian: Các điểm Bình Lâu, Xuân Thụy và Ngọc Đà tiếp tục ở mức rất cao (15–22 mg/L). Kênh Cầu và Ngọc Lâm duy trì mức >5 mg/L. Các điểm trung lưu như Bá Thủy, Phần Hà, Lục Điền, Bằng Ngang vẫn vượt quy chuẩn nhiều lần. Tình trạng ô nhiễm NH_4^+ gần như không thay đổi so với các tuần trước, cho thấy tình trạng tải lượng nitơ trong hệ thống vẫn cao và mang tính kéo dài.



Hình 6: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo NH_4^+



Hình 7: Bản đồ dự báo NH_4^+

2 CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

i) Những vị trí ô nhiễm cần được chú ý khi điều hành lấy nước

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT và kết quả dự báo chất lượng nước giai đoạn 01–07/3/2026, chất lượng nước tại các vị trí quan trắc trong hệ thống Bắc Hưng Hải được đánh giá như sau:

- Về thông số DO:

+ Có 2/15 vị trí đạt Mức B ($\text{DO} \geq 5 \text{ mg/L}$), đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, gồm: Xuân Quan (5,39 mg/L) và An Thổ (5,03 mg/L).

+ 01/15 vị trí cận chuẩn ($4 \leq \text{DO} < 5 \text{ mg/L}$) là Cầu Xe ($\approx 4,98 \text{ mg/L}$), dao động quanh ngưỡng quy chuẩn.

+ 12/15 vị trí còn lại có DO trung bình $< 4 \text{ mg/L}$, nước có chất lượng xấu đến rất xấu, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phan Hà, Bá Thủy, Bình Lâu, Cầu Cát, Lực Điện, Bằng Ngang và Công Neo.

+ Đặc biệt, Xuân Thụy, Ngọc Đà và Bình Lâu tiếp tục duy trì DO rất thấp (1,4–1,6 mg/L), phản ánh tình trạng thiếu oxy nghiêm trọng..

- Về thông số BOD₅:

+ Có 1/15 vị trí có hàm lượng BOD₅ trung bình đạt Mức B ($\leq 6 \text{ mg/L}$), đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo QCVN 08:2023/BTNMT, là Xuân Quan (5,51 mg/L).

+ 5/15 vị trí có hàm lượng BOD₅ trung bình ở mức C ($6 < \text{BOD}_5 \leq 10 \text{ mg/L}$), chất lượng nước xấu, gồm: Bá Thủy (9,27), Cầu Cát (7,28), An Thổ (8,00), Cầu Xe (7,32) và Bằng Ngang (9,87 mg/L).

+ 9/15 vị trí còn lại có hàm lượng BOD₅ trung bình > 10 mg/L (Mức D), nước có chất lượng rất xấu, ô nhiễm hữu cơ nặng, gồm: Xuân Thụy, Như Quỳnh, Kênh Cầu, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà, Bình Lâu, Lục Điền và Cống Neo.

+ Các điểm Bình Lâu (39,8 mg/L) và Ngọc Đà (36,8 mg/L) tiếp tục duy trì mức ô nhiễm hữu cơ đặc biệt cao.

- Về thông số NH₄⁺:

+ Không có vị trí nào (0/15) có hàm lượng NH₄⁺ trung bình đạt quy chuẩn ($\leq 0,3$ mg/L) theo QCVN 08:2023/BTNMT.

+ 4/15 vị trí có hàm lượng NH₄⁺ trung bình ở mức vượt nhẹ ($0,3 < \text{NH}_4^+ \leq 1,0$ mg/L), gồm: Xuân Quan (0,68), Cầu Cát (0,75), An Thổ (0,42) và Cầu Xe (0,54 mg/L).

+ 5/15 vị trí có hàm lượng NH₄⁺ trung bình trong khoảng $1,0 < \text{NH}_4^+ \leq 5,0$ mg/L, phản ánh ô nhiễm nitơ ở mức trung bình–cao, gồm: Phần Hà (4,49), Bá Thủy (3,42), Lục Điền (2,42), Bằng Ngang (2,42) và Cống Neo (2,44 mg/L).

+ 6/15 vị trí còn lại có hàm lượng NH₄⁺ trung bình > 5,0 mg/L, nước có chất lượng rất xấu, vượt quy chuẩn nhiều lần, gồm: Xuân Thụy (22,10), Như Quỳnh (7,41), Kênh Cầu (10,00), Ngọc Đà (15,23), Ngọc Lâm (5,20) và Bình Lâu (22,19 mg/L).

Đầu tháng 3/2026, hàm lượng NH₄⁺ tại hệ thống Bắc Hưng Hải vẫn duy trì ở mức cao và phân bố ổn định theo không gian: Các điểm Bình Lâu, Xuân Thụy và Ngọc Đà tiếp tục ở mức rất cao (15–22 mg/L). Kênh Cầu và Ngọc Lâm duy trì mức >5 mg/L. Các điểm trung lưu như Bá Thủy, Phần Hà, Lục Điền, Bằng Ngang vẫn vượt quy chuẩn nhiều lần. Tình trạng ô nhiễm NH₄⁺ gần như không thay đổi so với các tuần trước, cho thấy tình trạng tải lượng nitơ trong hệ thống vẫn cao và mang tính kéo dài.

ii) Về vận hành tưới tiêu

Trên cơ sở kết quả dự báo chất lượng nước nêu trên, kiến nghị công tác vận hành tưới tiêu trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục vận hành linh hoạt các công trình đầu mối, tăng cường trữ nước trong hệ thống tại các thời điểm chất lượng nước đạt yêu cầu; hạn chế tối đa đưa nước ô nhiễm vào hệ thống kênh mương nội đồng, đặc biệt tại các khu vực có DO < 4 mg/L và BOD₅, NH₄⁺ cao.

- Tại cống Xuân Quan, tiếp tục ưu tiên giữ nước trong hệ thống; chỉ xem xét lấy nước khi đảm bảo đồng thời điều kiện thủy văn thuận lợi và chất lượng nước đạt quy chuẩn.

- Đối với cống Cầu Xe và An Thổ, có thể tranh thủ lấy nước ngược khi mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu và chất lượng nước đảm bảo; các thời điểm còn lại cần đóng cống giữ nước hoặc xả nước đệm khi xuất hiện nguy cơ ô nhiễm nặng.

- Đối với các cống Xuân Thụy, Ngọc Đà, Phần Hà và Bình Lâu, khi vận hành tiêu nước cần phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải để thống nhất phương án điều tiết, đồng thời thông báo kịp thời cho địa phương nhằm hạn chế lấy nước vào hệ thống tại thời điểm mở cống.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát nguồn thải, đặc biệt trong thời điểm mở cống lấy nước, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng xả thải trái phép của doanh nghiệp, làng nghề và khu dân cư ven sông/kênh.